

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2024/DS-ST  
Ngày: 25-9-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Bà Quách Thị Hải Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Khâu Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** 1. Bà Sơn Thị T (vắng mặt).

2. Ông Lý M (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Khâu Thị N trình bày:

Vào ngày 08/4/2022 bà có cho vợ chồng bà Sơn Thị T và ông Lý M vay số tiền 257.000.000 đồng, mục đích để xây nhà, lãi suất thoả thuận 3%/tháng, thời hạn trả nợ đến tháng 12/2022 dương lịch sẽ trả đủ số tiền đã vay. Lúc vay không có biên nhận nhưng sau đó bà T có viết biên nhận cho bà đề ngày 01/5/2024 có chữ viết họ tên và chữ ký của của bà Sơn Thị T. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà

T, ông M không đóng lãi như thoả thuận. Đến hạn trả nợ vào tháng 12/2022 thì vợ chồng bà T, ông M không thực hiện trả lại số tiền đã vay là 257.000.000 đồng cùng với số tiền lãi. Cho đến nay vợ chồng bà T, ông M vẫn không đóng lãi như đã thoả thuận cũng không trả lại cho bà số tiền nợ gốc đã vay. Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả lại tiền gốc và lãi cho bà nhưng bị đơn chỉ hứa cho qua lễ chứ không thực hiện. Nay bà yêu cầu bà Sơn Thị T và ông Lý M có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay còn nợ là 257.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M vắng mặt không có lời trình bày.*

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà T, ông M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà N số tiền còn nợ 257.000.000 đồng, án phí và chi phí tố tụng bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông M, bà T cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn bà T, ông M đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Quá trình Tòa án thông báo thụ lý vụ án đến nay bà T, ông M không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành hòa giải được. Bị đơn vắng mặt, không tham gia tố tụng đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn bà N khởi kiện đòi bị đơn vợ chồng bà T, ông M trả số tiền vay 257.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 02 “BIÊN NHẬN NỢ” đề ngày 01/5/2024 thể hiện nội dung: “Chúng tôi tên là Bà Sơn Thị T, Ông Lý M, cùng địa chỉ ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nội dung: Vào ngày 08/04/2022 thì chúng tôi có mượn nợ bà Khâu Thị N, sinh ngày 01/01/1965, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

số tiền là 257.000.000 đồng. Chúng tôi mượn số tiền này với mục đích là để xây nhà. Chúng tôi cam kết đến ngày ...tháng...năm... chúng tôi sẽ trả lại đủ cho bà Khâu Thị N, sinh ngày 01/01/1965 số tiền trên. Nếu chúng tôi không trả số tiền trên thì hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Bên nhận nợ có chữ ký và chữ viết của bà Sơn Thị T.

Bà N trình bày biên nhận trên là do bà T ký tên, ghi họ tên giao cho bà giữ sau khi bà đã nhiều lần đòi tiền nợ mà bà T, ông M không trả bà đủ số tiền 257.000.000 đồng. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bà T, ông M không có ý kiến phản đối chứng cứ của nguyên đơn.

Xét thấy, theo Kết luận giám định số 169/KLTL-KTHS ngày 19/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh S kết luận như sau:

- Chữ ký mang tên Sơn Thị T dưới mục “Bên nhận nợ” trên 02 (hai) “Biên nhận nợ” ngày 1 tháng 5 năm 2024 cần giám định (Ký hiệu: A1, A2) so với chữ ký đứng tên Sơn Thị T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 - M4) do cùng một người ký ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết họ tên Sơn Thị T dưới mục “Bên nhận nợ” trên 02 (hai) “Biên nhận nợ” ngày 1 tháng 5 năm 2024 tài liệu cần giám định (Ký hiệu: A1, A2) so với chữ viết đứng tên Sơn Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 - M4) có phải do cùng một người viết ra hay không.

Từ những căn cứ nêu trên đã thể hiện bà T, ông M có vay mượn bà N số tiền 257.000.000 đồng và đến nay vẫn không trả số tiền gốc như bà N trình bày là sự thật. Nên bà N yêu cầu bà T, ông M có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ 257.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí giám định số tiền 2.070.000 đồng: Buộc bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M phải liên đới chịu số tiền này, sau khi nộp xong thì hoàn trả cho nguyên đơn bà Khâu Thị N do bà N đã nộp tạm ứng trước số tiền 5.000.000 đồng, hoàn trả cho bà N số tiền nộp dư theo thông báo của Tòa án.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khâu Thị N về việc đòi bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M trả số tiền vay còn nợ. Buộc bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Khâu Thị N tổng số tiền còn nợ 257.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M có nghĩa vụ liên đới nộp án phí số tiền 12.850.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Khâu Thị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.425.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003896 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí giám định: Buộc bị đơn bà Sơn Thị T và ông Lý M có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 2.070.000 đồng, sau khi nộp xong thì hoàn trả đủ cho nguyên đơn bà Khâu Thị N số tiền 2.070.000 đồng. Hoàn trả cho bà N số tiền nộp dư theo thông báo của Tòa án.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thành Nghiệp**

